

Số: 05 /HD-ĐHCN

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 9 năm 2025

HƯỚNG DẪN

Về việc thực hiện chính sách miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập Năm học 2025 - 2026

Căn cứ Nghị định số 238/2025/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2025 của Chính phủ Quy định về chính sách học phí, miễn, giảm, hỗ trợ chi phí học tập và giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

Căn cứ Quyết định số 66/2013/QĐ-TTg ngày 11 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ Quy định về chính sách hỗ trợ chi phí học tập đối với sinh viên là người dân tộc thiểu số học tại các cơ sở giáo dục đại học;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 35/2014/TTLT-BGDĐT-BTC ngày 15 tháng 10 năm 2014 về việc Hướng dẫn thực hiện Quyết định số 66/2013/QĐ-TTg ngày 11 tháng 11 năm 2013.

Trường Đại học Công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh hướng dẫn việc thực hiện chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập năm học 2025 - 2026 đối với sinh viên (SV) tại Trường như sau:

I. Quy định về miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập

- Việc miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập cho sinh viên được thực hiện tại Trường nơi sinh viên đang học tập. Nhà nước thực hiện cấp bù học phí trực tiếp cho Nhà trường để Nhà trường thực hiện chế độ miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập cho SV thuộc đối tượng miễn, giảm học phí;

- Sinh viên thuộc diện miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập phải nộp đầy đủ hồ sơ theo quy định;

- Chỉ áp dụng chế độ miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập đối với môn học lần đầu và trong chương trình khung đào tạo;

- Việc xét miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập cho sinh viên được tiến hành theo từng học kỳ. Sinh viên hoàn tất hồ sơ ở học kỳ nào thì được hưởng miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập ở học kỳ đó;

- Không áp dụng chế độ miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập đối với các trường hợp sau: Sinh viên đã hưởng chế độ này tại một cơ sở giáo dục nghề nghiệp hoặc cơ sở giáo dục đại học khác; sinh viên học kéo dài, nghỉ học tạm thời, bị kỷ luật ngừng học hoặc buộc thôi học, học lại, học bổ sung, học cải thiện, học ngành thứ 2.



II. Đối tượng và hồ sơ miễn học phí

1. Sinh viên là thân nhân của người có công với cách mạng theo Pháp lệnh Ưu đãi số 02/2020/UBTVQH14 ngày 09 tháng 12 năm 2020

a) Sinh viên là con liệt sỹ

- Giấy xác nhận con liệt sỹ do cơ quan quản lý đối với người có công cấp;
- Bản sao giấy khai sinh.

b) Sinh viên là con của thương binh, bệnh binh, con của người được hưởng chính sách như thương binh

- Giấy xác nhận thuộc đối tượng thương binh, bệnh binh, người hưởng chính sách như thương binh do cơ quan quản lý đối với người có công cấp;
- Thẻ thương binh, bệnh binh, người được hưởng chính sách như thương binh (chứng thực bản sao);
- Bản sao giấy khai sinh.

c) Sinh viên là con của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học

- Giấy xác nhận thuộc đối tượng bị nhiễm chất độc hóa học do lãnh đạo địa phương có thẩm quyền cấp;
- Quyết định hưởng trợ cấp đối với người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học (chứng thực bản sao);
- Bản sao giấy khai sinh.

2. Sinh viên là người khuyết tật.

- Giấy xác nhận khuyết tật do Ủy ban nhân dân cấp xã, phường, đặc khu trực thuộc cấp tỉnh cấp.
- Quyết định về việc trợ cấp xã hội do Ủy ban nhân dân cấp xã, phường, đặc khu trực thuộc cấp tỉnh cấp.
- Giấy xác nhận thông tin về cư trú do công an địa phương cấp.

3. Người từ 16 tuổi đến 22 tuổi đang học giáo dục đại học văn bằng thứ nhất thuộc đối tượng hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 5 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội.

- Giấy xác nhận mồ côi cả cha lẫn mẹ do Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu trực thuộc cấp tỉnh cấp;
- Chứng thực bản sao Quyết định về việc trợ cấp xã hội do cơ Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu trực thuộc cấp tỉnh cấp (nếu có);
- Giấy chứng tử của cha và mẹ (chứng thực bản sao);
- Bản sao giấy khai sinh.

4. Sinh viên là người dân tộc thiểu số có cha hoặc mẹ hoặc cả cha và mẹ hoặc ông, bà (trong trường hợp ở với ông, bà) thuộc hộ nghèo hoặc hộ cận nghèo theo quy định của Thủ tướng Chính phủ.

- Giấy xác nhận hộ nghèo hoặc hộ cận nghèo do Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu trực thuộc cấp tỉnh cấp;

- Bản sao giấy khai sinh.

5. Sinh viên là người dân tộc thiểu số rất ít người theo quy định của Chính phủ ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn hoặc đặc biệt khó khăn theo quy định hiện hành của cơ quan có thẩm quyền.

- Bản sao giấy khai sinh;
- Giấy xác nhận thông tin về cư trú do Công an địa phương cấp;
- Giấy xác nhận ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn hoặc đặc biệt khó khăn theo quy định hiện hành do Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu trực thuộc cấp tỉnh cấp.

III. Đối tượng và hồ sơ giảm học phí

1. Đối tượng giảm 70% học phí

Sinh viên là người dân tộc thiểu số (ngoài đối tượng dân tộc thiểu số rất ít người) mà bản thân và cha mẹ hoặc mẹ có nơi thường trú tại thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng đồng bào dân tộc và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo theo quy định của cơ quan có thẩm quyền.

- Bản sao giấy khai sinh;
- Giấy xác nhận thông tin về cư trú do công an địa phương cấp;
- Đơn xác nhận của Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu trực thuộc cấp tỉnh về việc bản thân sinh viên và cha hoặc mẹ ở nơi thường trú tại thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng đồng bào dân tộc và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo theo quy định của cơ quan có thẩm quyền.

Các quy định của cơ quan có thẩm quyền ban hành danh mục vùng, địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn (xem Phụ lục).

2. Đối tượng giảm 50% học phí

Sinh viên là con cán bộ, công chức, viên chức, công nhân mà cha hoặc mẹ bị tai nạn lao động hoặc mắc bệnh nghề nghiệp được hưởng trợ cấp thường xuyên.

- Quyết định hưởng trợ cấp hàng tháng của cha hoặc mẹ bị tai nạn lao động hoặc bệnh nghề nghiệp do bảo hiểm xã hội cấp;
- Bản sao giấy khai sinh;
- Giấy chứng nhận trợ cấp tai nạn lao động hoặc bệnh nghề nghiệp do bảo hiểm xã hội cấp (nếu có).

IV. Đối tượng được hỗ trợ chi phí học tập

Để được hưởng chính sách hỗ trợ chi phí học tập, sinh viên phải đáp ứng đủ điều kiện: Sinh viên là người dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo hoặc hộ cận nghèo theo quy định của Thủ tướng Chính phủ, hồ sơ gồm:

- Giấy xác nhận hộ nghèo hoặc hộ cận nghèo do Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu trực thuộc cấp tỉnh cấp;
- Bản sao giấy khai sinh.

Lưu ý:

- Sinh viên thuộc đối tượng miễn, giảm học phí tại mục 1, 2, và 3 phần II và mục 2 phần III nộp hồ sơ xét miễn, giảm học phí một lần vào đầu khóa học.
- Sinh viên thuộc các đối tượng miễn, giảm học phí mục 4, mục năm phần II và mục 1 phần III nộp hồ sơ từng học kỳ theo Hướng dẫn này.
- Tất cả sinh viên thuộc các đối tượng hưởng chế độ chính sách miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập nộp 02 bộ hồ sơ (01 phục vụ cho công tác xét hồ sơ và lưu trữ tại trường, 01 nộp cho Kho bạc Nhà nước để kiểm tra, rà soát và lưu trữ).

VI. THỜI GIAN NỘP HỒ SƠ**1. Học kỳ I**

- Sinh viên khóa 17,18,19, 20: Từ ngày đăng Hướng dẫn đến ngày 31/8/2025.
- Sinh viên khóa 21: Từ ngày nhập học đến ngày 30/9/2025.

2. Học kỳ II

Từ đầu học kỳ II đến hết ngày 30/01/2026.

VII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

- Phòng Công tác chính trị và Hỗ trợ sinh viên kiểm tra, nhận hồ sơ theo Hướng dẫn, nhập vào phần mềm xét miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập và lưu trữ hồ sơ theo quy định.

- Phòng Tài chính kế toán xét duyệt miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập cho sinh viên theo danh sách Phòng Công tác chính trị và Hỗ trợ sinh viên cập nhật; tổ chức họp Hội đồng xét duyệt, trình Ban Giám hiệu phê duyệt và ra quyết định chi tiền kịp thời cho sinh viên.

Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, sinh viên liên hệ trực tiếp Phòng Công tác chính trị và Hỗ trợ sinh viên hoặc điện thoại trong giờ hành chính qua số 028 38940390 (số nội bộ 136) gặp Cô Phạm Thị Kim Phương để được hướng dẫn và giải đáp.

Nơi nhận:

- Đơn vị trực thuộc;
- Website Trường;
- Website Phòng CTCT&HTSV;
- Lưu VT.

HIỆU TRƯỞNG

[Handwritten signature]
TS. Phan Hồng Hải



Phụ lục

**CÁC QUY ĐỊNH CỦA CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN BAN HÀNH
DANH MỤC VÙNG, ĐỊA BÀN CÓ ĐIỀU KIỆN KINH TẾ - XÃ HỘI
ĐẶC BIỆT KHÓ KHĂN**

(Kèm theo Hướng dẫn số 05/HD-ĐHCN, ngày 18 tháng 9 năm 2025 của
Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh)

1. Quyết định số 353/QĐ-TTg ngày 15 tháng 3 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh sách huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo giai đoạn 2021 - 2025.
2. Quyết định 576/QĐTTg ngày 22 tháng 6 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ công nhận 09 xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo giải đoạn 2021 - 2025 thoát khỏi tình trạng đặc biệt khó khăn.
3. Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04 tháng 6 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt danh sách các xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2025.
4. Quyết định số 1010/QĐ-TTg ngày 10 tháng 8 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ về đơn vị hành chính cấp xã thuộc vùng khó khăn.
5. Quyết định số 698/QĐ-TTg ngày 19 tháng 7 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt điều chỉnh, bổ sung và hiệu chỉnh danh sách các xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2025.
6. Quyết định số 612/QĐ-UBND ngày 16 tháng 9 năm 2021 của Ủy ban Dân tộc phê duyệt danh sách thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số miền núi giai đoạn 2021 - 2025.
7. Quyết định số 497/QĐ-UBND ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Ủy ban Dân tộc (nay là Bộ Dân tộc và Tôn giáo) phê duyệt điều chỉnh, bổ sung và hiệu chỉnh tên huyện, xã, thôn đặc biệt khó khăn; thôn thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2025.
8. Văn bản số 296/BDTTG-CS ngày 10 tháng 4 năm 2025 của Bộ Dân tộc và Tôn giáo về việc hướng dẫn thực hiện chế độ, chính sách đối với đơn vị hành chính cấp xã, thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi thực hiện sắp xếp, tổ chức lại.
9. Các quy định của cơ quan có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế về phê duyệt danh sách các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo, thôn đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc thiểu số và miền núi (nếu có).